

*

Số 04-HD/HU

HƯỚNG DẪN
công tác xây dựng quy hoạch cán bộ và bổ sung quy hoạch hàng năm

Căn cứ Quyết định số 408-QĐ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định về công tác quy hoạch cán bộ; Hướng dẫn số 02-HD/BTCTU ngày 01/4/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy hướng dẫn công tác xây dựng quy hoạch cán bộ và bổ sung quy hoạch hàng năm, nội dung hướng dẫn như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC

1. Mục đích

- Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữ các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân.

- Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

2. Yêu cầu

- Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý phải xuất phát từ tình hình thực tế đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo có thẩm quyền; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, công bằng, công tâm, khách quan, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền.

- Quy hoạch cấp ủy phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức lãnh đạo, quản lý, bảo đảm đồng bộ với các chủ trương, quy định của Đảng về bố trí cán bộ; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

- Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện.

- Coi trọng chất lượng, không vì số lượng, cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; bảo đảm cân đối, hài hòa, hợp lý, liên thông giữa các khâu khác trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động,

luân chuyển, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ huyện với các xã, thị trấn và lĩnh vực công tác; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác.

- Thực hiện phương châm quy hoạch “động” và “mở”. Hàng năm, đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bổ sung quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển.

3. Nguyên tắc

- Bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, liên thông, công khai, minh bạch trong công tác quy hoạch cán bộ.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nêu cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, người đứng đầu gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ.

- Chú trọng chất lượng, bảo đảm cân đối, hài hòa, hợp lý, liên thông giữa các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ tỉnh với nguồn cán bộ tỉnh với các huyện, thành, thị ủy và lĩnh vực công tác; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Phân đấu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi (khoảng cách giữa các độ tuổi là 5 năm) tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ phù hợp với địa bàn, lĩnh vực công tác.

- Quy hoạch cấp ủy các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

- Chỉ huy hoạch chức danh cao hơn, mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá 3 cán bộ, 1 cán bộ quy hoạch không quá 3 chức danh ở cùng cấp. Không thực hiện đồng thời quy trình quy hoạch, bổ sung quy hoạch với quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Chức danh quy hoạch

- Các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị huyện, gồm: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy; cán bộ diện Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; các chức danh thuộc diện Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý; các chức danh thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý.

- Chỉ quy hoạch cán bộ vào chức danh cao hơn, không quy hoạch chức vụ cán bộ đang đảm nhiệm.

2. Đối tượng quy hoạch

2.1. Quy hoạch chức danh Bí thư Huyện ủy

a. Đối tượng 1: Phó Bí thư cấp ủy huyện và tương đương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch UBND cấp huyện; Phó các sở, ban, ngành tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

b. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng và tương đương các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ủy viên Thường trực Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Ủy viên Ban Thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

Các đồng chí đối tượng 2 phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2.2. Quy hoạch chức danh Phó Bí thư Huyện ủy; Chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

a. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng và tương đương các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ủy viên Thường trực Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Ủy viên Ban Thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

b. Đối tượng 2: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; Trưởng phòng, ban, ngành cấp huyện; Phó Trưởng phòng và tương đương các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy viên Ban Chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

Các đồng chí đối tượng 2 phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2.3. Quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a. Đối tượng 1: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; Phó Trưởng phòng và tương đương các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy viên Ban Chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

b. Đối tượng 2: Cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, ngành huyện và tương đương (cấp phó được quy hoạch chức danh cấp trưởng); Bí thư cấp ủy cấp xã; Phó Bí thư cấp ủy cấp xã được quy hoạch chức danh Bí thư.

Các đồng chí đối tượng 2 phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2.4. Quy hoạch Ban Thường vụ Huyện ủy

a. Đối tượng 1: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; Phó trưởng phòng và tương đương các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy viên Ban Chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

b. Đối tượng 2: Cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, ngành huyện (*cấp phó được quy hoạch chức danh cấp trưởng*); Bí thư cấp ủy xã; Phó Bí thư cấp ủy xã được quy hoạch chức danh Bí thư.

Các đồng chí đối tượng 2 phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2.5. Quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ huyện

a. Đối tượng 1: Cấp trưởng, cấp phó các ban, ngành huyện (*cấp phó được quy hoạch chức danh cấp trưởng*); Bí thư cấp ủy xã; Phó Bí thư cấp ủy xã được quy hoạch chức danh Bí thư.

Các đồng chí giữ chức vụ phó bí thư cấp ủy, cấp phó các ban, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện mà được xác định là có cơ cấu ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện thì không cần điều kiện phải được quy hoạch vào chức danh cấp trưởng tương ứng.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

b. Đối tượng 2: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy; Ủy viên Thường trực Mặt trận Tổ quốc, Ủy viên Ban Thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; chuyên viên các phòng, ban cấp huyện.

Các đồng chí đối tượng 2 phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2.6. Quy hoạch chức danh Bí thư cấp ủy xã, thị trấn

a. Đối tượng 1: Phó Bí thư cấp ủy xã; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; phó các phòng, ban, ngành huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

b. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy; Ủy viên Thường trực Mặt trận Tổ quốc huyện; Ủy viên Ban Thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; chuyên viên các phòng, ban, ngành huyện; trưởng các ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

Các đồng chí đối tượng 2 phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2.7. Quy hoạch chức danh Phó Bí thư cấp ủy xã; chức danh chủ tịch HĐND, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy; Ủy viên Thường trực Mặt trận Tổ quốc huyện; Ủy viên Ban Thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; chuyên viên các phòng, ban, ngành huyện được quy hoạch chức danh cấp phó phòng huyện (*tương đương*).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

b. Đối tượng 2: Trưởng các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

Các đồng chí đối tượng 2 phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2.8. Quy hoạch chức danh phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân

a. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ cấp xã; chuyên viên các phòng, ban, ngành huyện được quy hoạch chức danh cấp phó phòng huyện (*tương đương*); Trưởng các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

b. Đối tượng 2: Phó các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã được quy hoạch chức danh cấp trưởng; công chức cấp xã.

Các đồng chí đối tượng 2 phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

3. Phương pháp quy hoạch

- Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

- Việc xây dựng quy hoạch cán bộ cho nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai nhiệm kỳ đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Hàng năm, tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch của nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp trong quý I và báo cáo kết quả phê duyệt trong quý II, chậm nhất tháng 6; trường hợp rà soát, bổ sung quy hoạch lần thứ 2 trong năm phải báo cáo chậm nhất 30 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch.

- Đối với các tổ chức hội, đoàn thể nhân dân khác được Đảng, Nhà nước giao biên chế, việc xây dựng quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cũng thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi quy hoạch

4.1. Về tiêu chuẩn, điều kiện

Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch, cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm xem xét, phê duyệt quy hoạch, nhân sự phải cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Về trình độ chuyên môn: Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với chức danh bổ nhiệm.

- Về lý trình độ luận chính trị: Có thể chưa bảo đảm tiêu chuẩn lý luận chính trị nhưng sau khi được quy hoạch phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định.

- Chưa nhất thiết phải đáp ứng ngay các tiêu chuẩn: kinh qua chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp dưới, trình độ quản lý nhà nước ...

4.2. Về độ tuổi

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ kế tiếp (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

Tuổi quy hoạch được xác định theo tinh thần Kết luận số 08-KL/TW, ngày 15/6/2021 của Bộ Chính trị về tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW, ngày 26/7/2021 của Ban Tổ chức Trung ương, cụ thể như sau:

a. *Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp*: bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm tính tuổi theo quy định phải còn ít nhất 1 nhiệm kỳ công tác (60 tháng) đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 2 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

* Thời điểm tính tuổi:

- Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp ủy nhiệm kỳ 2025-2030: cấp xã tháng 4/2025; cấp huyện tháng 6/2025; cấp tỉnh tháng 9/2025.

- Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo các cơ quan Nhà nước nhiệm kỳ 2026-2031: tháng 5/2026.

- Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của nhiệm kỳ kế tiếp được xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại công với 5 năm (60 tháng).

b. Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ hiện tại: bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch phải còn ít nhất 72 tháng đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

* *Thời điểm tính tuổi:* là thời điểm cơ quan Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với trường hợp các chức danh thuộc diện Tỉnh ủy quản lý), Ban Tổ chức Huyện ủy (đối với các trường hợp các chức danh thuộc diện Huyện ủy quản lý) nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

(Có phụ lục về xác định tuổi quy hoạch đối với các chức danh cụ thể kèm theo)

5. Hệ số, số lượng

- Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

Ví dụ: Số lượng ủy viên ban thường vụ là 13 đồng chí, số lượng quy hoạch ban thường vụ tối đa là: 13 nhân với hệ số 1,5 thì tối đa là 19,5 người, làm tròn thành 20 người.

- Số lượng của chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý:

+ Một chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá 3 cán bộ.

+ Một cán bộ quy hoạch không quá 3 chức danh ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch (không bao gồm chức danh ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp).

6. Cơ cấu, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ

Phấn đấu thực hiện cơ cấu 03 độ tuổi, khoảng cách giữa các độ tuổi là 05 năm; cơ cấu tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng:

* Cấp ủy huyện: Cán bộ trẻ dưới 40 tuổi từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên và phải có cán bộ nữ trong quy hoạch Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý.

* Cấp ủy cơ sở:

- Đảng bộ cơ sở: cán bộ trẻ dưới 35 tuổi từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên và phải có cán bộ nữ trong quy hoạch Ban Thường vụ cấp ủy, Thường trực cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý.

- Chi bộ cơ sở: cần có ít nhất 01 cán bộ trẻ dưới 40 tuổi, 01 cán bộ nữ trong quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý.

7. Quy trình quy hoạch

7.1. Quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ

* **Bước 1.** Xây dựng Kế hoạch triển khai và chuẩn bị nguồn cán bộ dự kiến phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Căn cứ Hướng dẫn của Ban Thường vụ Huyện ủy về công tác quy hoạch cán bộ, các cấp ủy cơ sở chỉ đạo cơ quan, bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau:

(1) Xây dựng kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị mình.

(2) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý.

* **Bước 2.** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (*lần 1*).

- Thành phần:

+ Đối với cấp huyện là Ban Thường vụ Huyện ủy.

+ Đối với cấp cơ sở xã, thị trấn là Ban Thường vụ Đảng ủy.

+ Đối với Đảng bộ cơ sở cơ quan là Bí thư, phó bí thư đảng ủy và tập thể lãnh đạo cơ quan.

+ Đối với Chi bộ cơ sở cơ quan là cấp ủy Chi bộ và thủ trưởng cơ quan.

- Trên cơ sở báo cáo của cơ quan, bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích và thông qua:

(1) Kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

(2) Danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để trình các hội nghị xem xét, phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

* **Bước 3.** Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch (*bằng phiếu kín*).

- Thành phần:

+ Đối với cấp huyện là Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và tương đương trở lên; Bí thư, phó bí thư cấp ủy cơ sở; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

+ Đối với cấp cơ sở xã, thị trấn là Ban Chấp hành Đảng bộ xã, thị trấn; trưởng các ngành, đoàn thể cấp xã; công chức cấp xã; Bí thư, phó bí thư chi bộ trực thuộc đảng ủy.

+ Đối với Đảng bộ cơ sở cơ quan là cấp ủy và tập thể lãnh đạo cơ quan; Trưởng các đoàn thể; Bí thư, phó bí thư chi bộ trực thuộc đảng ủy.

+ Đối với Chi bộ cơ sở cơ quan là đảng viên trong chi bộ; lãnh đạo cơ quan (*chưa là đảng viên*).

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

* **Bước 4.** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (*bằng phiếu kín*).

- Thành phần:

+ Đối với cấp huyện là Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

+ Đối với cấp cơ sở xã, thị trấn là Ban Chấp hành Đảng bộ xã, thị trấn.

+ Đối với Đảng bộ cơ sở cơ quan là Đảng ủy và tập thể lãnh đạo cơ quan.

+ Đối với Chi bộ cơ sở cơ quan là cấp ủy chi bộ và tập thể lãnh đạo cơ quan.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

* **Bước 5.** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (*lần 2*)

- Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ theo quy định, hướng dẫn; đồng thời trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3 và bước 4, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (*bằng phiếu kín*) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

7.2. Quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm

a. *Quy trình đối với nguồn nhân sự tại chỗ:* Căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ hàng năm của cấp có thẩm quyền và đề xuất của cơ quan, bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ, cấp ủy, tập thể lãnh đạo chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch theo các bước sau:

* **Bước 1.** Hội nghị tập thể lãnh đạo (*lần 1*) xem xét, thông qua danh sách bổ sung quy hoạch để lấy ý kiến tại các hội nghị và bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc đưa ra khỏi quy hoạch: Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

Đối với các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch, cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch ban hành quyết định đưa cán bộ đó ra khỏi quy hoạch, không phải thực hiện quy trình bỏ phiếu theo quy định.

Riêng đối với cán bộ bị thi hành kỷ luật, sau khi có quyết định thi hành kỷ luật hết hiệu lực theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cấp có thẩm quyền có thể xem xét việc quy hoạch theo quy định.

* **Bước 2.** Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nhân sự quy hoạch (*bằng phiếu kín*).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

* **Bước 3.** Tổ chức hội nghị tập thể mở rộng. Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (*bằng phiếu kín*).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

* **Bước 4.** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (*lần 2*)

- Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ theo quy định, hướng dẫn; đồng thời trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2 và bước 3, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (*bằng phiếu kín*) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

b. Quy trình đối với nguồn nhân sự từ nơi khác:

* **Bước 1.** Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ theo quy định; thời thời trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chỉ đạo cơ quan, bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau:

(1) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (*trong quy hoạch và ngoài quy hoạch*); trong đó phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch mà địa phương, cơ quan, đơn vị hiện còn

thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự nơi khác.

(2) Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

*** Bước 2.** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (*lần 1*)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác.

*** Bước 3.** Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác.

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến danh sách quy hoạch, nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

*** Bước 4.** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (*lần 2*)

- Tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (*bằng phiếu kín*) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

7.3. Một vài điểm lưu ý khi thực hiện quy trình quy hoạch

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

- Thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch tương tự như thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp.

- Kết quả biểu quyết giới thiệu tại bước 5 (*xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp*) và ở bước 4 (*rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm*) được công bố tại hội nghị tập thể lãnh đạo. Đối với kết quả kiểm phiếu phát hiện, giới thiệu ở các bước còn lại không công bố tại hội nghị tương ứng.

- Không thực hiện đồng thời quy trình bổ sung quy hoạch với quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử vào một chức danh lãnh đạo, quản lý. Việc thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử vào chức danh quy hoạch chỉ được thực hiện sau khi phê duyệt quy hoạch ít nhất 3 tháng.

8. Hồ sơ quy hoạch

Sau khi có kết quả thực hiện quy trình quy hoạch, các cấp ủy, cơ quan, đơn vị lập hồ sơ quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp quản lý cán bộ. Danh mục hồ sơ quy hoạch thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

8.1. Tờ trình đề nghị phê duyệt và bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các bước.

8.2. Sơ yếu lý lịch (*mẫu 2a/TCTW và 2c/TCTW-98*) theo quy định hiện hành do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6.

8.3. Nhận xét, đánh giá của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, theo các tiêu chí: (1) Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức, kỷ luật, đoàn kết nội bộ và việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; (2) Năng lực công tác: kết quả, hiệu quả công việc; mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao; (3) Uy tín: kết quả đánh giá cán bộ hàng năm của cấp có thẩm quyền kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo quy định (nếu có); (4) Chiều hướng và triển vọng phát triển: khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo chức danh quy định.

8.4. Kết luận, báo cáo về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền

- Ban Thường vụ Huyện ủy kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ quy hoạch các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý.

- Cấp ủy cơ sở báo cáo tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ quy hoạch các chức danh diện cấp ủy cơ sở quản lý.

8.5. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (*có ký xác nhận của người kê khai và người nhận kê khai theo quy định*).

8.6. Bản sao có giá trị pháp lý các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị ... (*có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền*).

9. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình, hồ sơ nhân sự, cấp có thẩm quyền phải xem xét, phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền có thể kéo dài thời gian nhưng không quá 15 ngày làm việc. Thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp quản lý cán bộ như sau:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý đối với nhân sự thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (*theo Quyết định số 838-QĐ/TU ngày 29/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*).

- Ban Thường vụ Huyện ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý đối với nhân sự thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý (*theo Quyết định số 2082-QĐ/HU ngày 27/5/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy*).

- Đảng ủy cơ sở phê duyệt quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý đối với nhân sự còn lại thuộc diện Đảng ủy cơ sở quản lý.

10. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

Cán bộ quá tuổi quy hoạch, cán bộ từ trần hoặc bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (đối với cá nhân) hoặc kết luận không đảm bảo tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu lực quy hoạch:

- Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ theo quy định của chức danh quy hoạch.

- Đối với các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026, trước thời điểm ban hành Quy định số 50-QĐ/TW của Bộ Chính trị, thì quyết định quy hoạch vẫn còn giá trị.

- Đối với các trường hợp đã thực hiện xong quy trình rà soát, bổ sung nhưng chưa phê duyệt quy hoạch thì cấp có thẩm quyền phải rà soát, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng, hệ số theo Quyết định số 408-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Hướng dẫn này trước khi xem xét phê duyệt quy hoạch.

2. Công khai và quản lý, sử dụng quy hoạch

2.1. Công khai quy hoạch

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

2.2. Quản lý và sử dụng quy hoạch

- Sau 30 ngày kể từ ngày phê duyệt quy hoạch, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch; báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy qua Ban Tổ chức Huyện ủy (*kèm theo quyết định phê duyệt quy hoạch*) đối với các chức danh thuộc thẩm quyền các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phê duyệt quản lý theo quy định.

- Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch, tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh quy hoạch và yêu cầu, nhiệm vụ, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện để cán bộ phấn đấu, rèn luyện, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh quy hoạch theo quy định.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và sắp xếp, bố trí cán bộ phải căn cứ vào quy hoạch cán bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Định kỳ hàng năm, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, đánh giá chất lượng, cơ cấu nguồn cán bộ trong quy hoạch để kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo quy định.

3. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

3.1. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị

- Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về công tác quy hoạch cán bộ tại địa phương, cơ quan, đơn vị. Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận, báo cáo về tiêu chuẩn chính trị; nhận xét, đánh giá cán bộ; lập hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý của địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên.

- Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

3.2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Huyện ủy

- Tham mưu chủ trương, quy định, hướng dẫn về công tác quy hoạch cán bộ theo quy định; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định, trình Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác đến (*khi cần thiết hoặc theo yêu cầu*) để các địa phương, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

- Tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy sơ kết, tổng kết, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị.

3.3. Trách nhiệm các cơ quan tham mưu Huyện ủy và cơ quan liên quan

- Thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy.

4. Hướng dẫn này và các phụ lục kèm theo có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế những quy định, hướng dẫn trước đây về quy hoạch cán bộ không phù hợp với hướng dẫn này. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ban Tổ chức Huyện ủy để được hướng dẫn, điều chỉnh cho hợp lý.

Nơi nhận:

- Các UV.BCH đảng bộ huyện,
- Các Ban Đảng Huyện ủy,
- Các chi, đảng bộ cơ sở,
- Lưu.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Phạm Nguyễn Hoàng Vũ

PHỤ LỤC
XÁC ĐỊNH TUỔI¹ ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH QUY HOẠCH
(Kèm theo Hướng dẫn 04-HD/HU, ngày 25/4/2022
của Ban Thường vụ Huyện ủy)

I- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 1

1- Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của đảng, ủy ban kiểm tra các cấp nhiệm kỳ 2025-2030

Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 4/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 01/1972 trở lại đây ²
Huyện	Sinh từ tháng 6/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1972 trở lại đây ³
Tỉnh	Sinh từ tháng 9/1968 trở lại đây ⁴	Sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây ⁵

¹ **Lưu ý:** (1) Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định. (2) Cán bộ nữ không thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn thì việc xác định tuổi quy hoạch tương ứng ở cột độ tuổi của nữ.

² **Ví dụ 1:** Đồng chí Nguyễn Thị A (nữ) sinh **tháng 01/1972**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 3 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2025) = **5 năm 01 tháng** công tác (nếu tính sinh tháng 12/1971, thì thiếu 04 tháng).

³ **Ví dụ 2:** Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh **tháng 02/1972**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2025) = **5 năm** công tác.

⁴ **Ví dụ 3:** Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh **tháng 9/1968**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **62 tuổi - 57 tuổi** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2025) = **5 năm** công tác.

⁵ **Ví dụ 4:** Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh **tháng 05/1972**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2025) = **5 năm** công tác.

2- Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2026-2031

Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước các cấp (cùng một thời điểm)	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031	
	Nam	Nữ
	Sinh từ tháng 5/1969 trở lại đây ⁶	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây ⁷

3- Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 60 tháng).

(1)- Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2029-2034 (cấp xã tháng 3/2029, cấp huyện tháng 5/2029, cấp tỉnh tháng 7/2029).

Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2029-2034	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 3/1972 trở lại đây	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây ⁸
Huyện	Sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây ⁹	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây ¹⁰
Tỉnh	Sinh từ tháng 7/1972 trở lại đây	Sinh từ tháng 11/1974 trở lại đây ¹¹

(2)- Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ nhiệm kỳ 2026-2031 (cấp xã tháng 4/2026, cấp huyện tháng 6/2026, cấp tỉnh tháng 9/2026).

⁶ Ví dụ 7: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 5/1969, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **62 tuổi - 57 tuổi** (tuổi thực tế tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 5/2026) = **5 năm** công tác.

⁷ Ví dụ 8: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 9/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng** (tuổi tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 5/2026) = **5 năm** công tác.

⁸ Ví dụ 9: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 9/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 6 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 3/2029) = **5 năm 02 tháng** công tác (nếu tính sinh tháng 8/1974, thì thiếu 03 tháng).

⁹ Ví dụ 10: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 5/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **62 tuổi - 57 tuổi** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = **5 năm** công tác.

¹⁰ Ví dụ 11: Đồng chí Nguyễn Thị M (nữ) sinh tháng 9/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 8 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = **5 năm** công tác.

¹¹ Ví dụ 12: Đồng chí Nguyễn Thị M (nữ) sinh tháng 11/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 8 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 7/2029) = **5 năm** công tác.

Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031 (<i>đối với cấp xã, huyện, tỉnh</i>).
Xã	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây ¹²
Huyện	Sinh từ tháng 10/1972 trở lại đây ¹³
Tỉnh	Sinh từ tháng 01/1973 trở lại đây ¹⁴

(3)- Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động nhiệm kỳ 2028-2033 (cơ sở tháng 6/2028, cấp huyện tháng 9/2028, cấp tỉnh tháng 11/2028).

Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033	
	Nam	Nữ
Cơ sở	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây ¹⁵
Huyện	Sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 5/1974 trở lại đây ¹⁶
Tỉnh	Sinh từ tháng 11/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 7/1974 trở lại đây ¹⁷

¹² Ví dụ 14: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh **tháng 9/1972**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 7 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2026) = **5 năm 1 tháng** công tác (nếu tính sinh tháng 8/1972, thì thiếu 04 tháng).

¹³ Ví dụ 15: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh **tháng 10/1972**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2026) = **5 năm** công tác.

¹⁴ Ví dụ 16: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh **tháng 01/1973**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2026) = **5 năm** công tác.

¹⁵ Ví dụ 18: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh **tháng 02/1974**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 6/2028) = **5 năm** công tác.

¹⁶ Ví dụ 19: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh **tháng 5/1974**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 9/2028) = **5 năm** công tác.

¹⁷ Ví dụ 20: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh **tháng 7/1974**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 11/2028) = **5 năm** công tác.

(4)- Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân nhiệm kỳ 2028-2033 (cấp xã tháng 5/2028, cấp huyện tháng 6/2028, cấp tỉnh tháng 9/2028).

Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 5/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 01/1974 trở lại đây ¹⁸
Huyện	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây ¹⁹
Tỉnh	Sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 5/1974 trở lại đây ²⁰

(5)- Chức danh lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2027-2032 (cấp xã tháng 5/2027, cấp huyện tháng 8/2027, cấp tỉnh tháng 10/2027).

Độ tuổi quy hoạch đối với các chức danh cán bộ Đoàn ở các cấp, thực hiện theo Quyết định số 289-QĐ/TW, ngày 08/02/2010 của Ban Bí thư và Quyết định số 56-QĐ/TU, ngày 07/12/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tiền Giang.

II- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2

Độ tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2 được xác định: Độ tuổi của đối tượng 1 (của chức danh tương ứng nêu tại Phần I) cộng thêm 5 năm (60 tháng).

¹⁸ Ví dụ 22: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh tháng 01/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 5/2028) = 5 năm công tác.

¹⁹ Ví dụ 23: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh tháng 02/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2028) = 5 năm công tác.

²⁰ Ví dụ 24: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh tháng 5/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2028) = 5 năm công tác.

III- Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm đối với cả 2 đối tượng

Việc xác định độ tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp và nhiệm kỳ hiện tại cơ bản thực hiện như phương pháp tính nêu tại điểm b, mục 4.2, khoản 4, phần II của Hướng dẫn. Vào thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với đối tượng 1 và ít nhất 2 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2; đối với rà soát bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 72 tháng và ít nhất 120 tháng đối với đối tượng 2.